

Số: 1623/2019/QĐST-HNGĐ Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 405/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông C, sinh năm 1980

Địa chỉ: bắc Jakarta, Indonesia.

Người phiên dịch của nguyên đơn: Bà Trần Nhật T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị TN, sinh năm 1985

Địa chỉ thường trú: Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 11 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày ngày 07 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông C và bà Nguyễn Thị TN.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà Nguyễn Thị TN thuận tình ly hôn.

b. Về con chung:

Ông C và bà Nguyễn Thị TN có hai con chung tên là LCC (nam), sinh ngày 20 tháng 5 năm 2014 và CMD (nam), sinh ngày 11 tháng 7 năm 2015.

Giao cho mẹ là bà Nguyễn Thị TN trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên là LCC (nam), sinh ngày 20 tháng 5 năm 2014 và CMD (nam), sinh ngày 11 tháng 7 năm 2015.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

c. Về cấp dưỡng nuôi con:

Ông C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con 15.000.000 đồng/tháng (tương đương 7.500.000 đồng/con/tháng), được thực hiện như sau:

- Ông C giao cho bà Nguyễn Thị TN 1.000.000.000 (một tỉ) đồng tiền cấp dưỡng nuôi hai con tương ứng với thời gian từ tháng 12 năm 2019 đến hết tháng 6 năm 2025 ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 trở đi ông C có trách nhiệm tiếp tục cấp dưỡng nuôi hai con là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng/tháng (tương đương 7.500.000 đồng/con/tháng) cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo quy định của pháp luật.

d. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông C về tranh chấp chia tài sản khi ly hôn. Ông C và bà Nguyễn Thị TN không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này.

e. Về nợ chung: Ông C và bà Nguyễn Thị TN không có nợ chung.

f. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng ông C tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông C đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0024052 ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông C còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con ông C phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Hoàn lại cho ông C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông C đã nộp là 51.000.000 (năm mươi một triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0024051 ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

g. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị TN có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông C chưa thực hiện cấp dưỡng nuôi con như trên thì hàng tháng ông C còn phải trả thêm tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM (Sở Tư pháp);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (T/17).

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thu Phương